

# KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG NGẮN HÀNG NÔNG SẢN CỦA PHÁP VÀ HUNGARY

Bùi Thị Nga, Vũ Thị Hằng Nga, Lê Thị Thanh Hào, Trần Hữu Cường, Đỗ Quang

Giám

Khoa Kế toán và QTKD, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Email: [hieu0306@gmail.com](mailto:hieu0306@gmail.com)/[btnga@vnua.edu.vn](mailto:btnga@vnua.edu.vn)

ĐT: 0918839181

## **Tóm tắt:**

Chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản là chuỗi cung ứng trong đó, tối thiểu hóa các trung gian từ người sản xuất đến người tiêu dùng cuối cùng. Chuỗi mang đến khá nhiều lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường nên được nhiều quốc gia quan tâm phát triển. Pháp và Hungary là hai nước phát triển khá thành công các chuỗi ngắn hàng nông sản với sự tham gia từ chính quyền trung ương, chính quyền địa phương, các tổ chức, thể chế, các tác nhân của chuỗi và cả người tiêu dùng. Đây có thể được coi là một trong những gợi ý cho chính phủ Việt Nam và các cơ quan ban ngành trong việc phát triển bền vững ngành nông nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay.

**Từ khóa:** Chuỗi cung ứng ngắn, hàng nông sản, nông sản địa phương, chợ nông sản, bán hàng trực tiếp

## **1. Đặt vấn đề**

Cho đến nay, có nhiều nghiên cứu về chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản được thực hiện ở nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới. Chuỗi cung ứng ngắn là một chuỗi cung ứng có ít thành viên tham gia, đôi khi người sản xuất phân phối sản phẩm trực tiếp tới tay người tiêu dùng, việc sản xuất và phân phối được diễn ra trên một phạm vi địa lý nhất định. Chuỗi cung ứng ngắn hướng tới mục tiêu cung cấp đến tay người tiêu dùng những sản phẩm phản ánh các đặc điểm như: bản sắc địa phương, mang tính tự nhiên, lành mạnh và đáng tin cậy (Luane và cộng sự, 2018).

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra ba loại chuỗi cung ứng ngắn, kết nối giữa người tiêu dùng và nhà sản xuất hàng nông sản, đó là: chuỗi trực tiếp là chuỗi người sản xuất

làm ra sản phẩm và trực tiếp bán đến tay người tiêu dùng; chuỗi cung ứng ngắn về khoảng cách không gian là chuỗi trong đó người sản xuất làm ra sản phẩm và bán trong phạm vi không gian gần, thường là bán tại địa phương nơi sản xuất; và chuỗi cung ứng ngắn mở rộng là chuỗi có thể có mở rộng về phạm vi địa lý nhưng ở đó, người sản xuất có thể bán sản phẩm cho người tiêu dùng thông qua các cửa hàng bán đặc sản địa phương hoặc cửa hàng bán sản phẩm hữu cơ (Marsden và cộng sự, 2000; Renting và cộng sự, 2003).

Chuỗi cung ứng ngắn hướng tới việc giảm tối đa các khâu trung gian tức là giảm số lượng người trung gian cần thiết để đưa sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng. Chuỗi cung ứng càng ngắn càng dễ dàng duy trì và truyền đạt tính xác thực và độc đáo của sản phẩm nông sản dưới dạng bản sắc văn hoá, phương pháp sản xuất và xuất xứ của các sản phẩm. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản mang lại nhiều lợi ích, góp phần phát triển nông thôn và phát triển kinh tế địa phương. Nó được cho là góp phần tăng cường tương tác xã hội, tạo sự tin tưởng và gắn kết xã hội. Nó cũng đóng vai trò như là động lực của sự thay đổi và là một phương thức tăng cường sự bền vững, công bằng và tăng trưởng trong lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, kinh doanh, xã hội, chăm sóc sức khỏe và chính sách nông thôn. Ngoài ra, có nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra tác dụng của chuỗi đối với việc bảo vệ và phát triển bền vững môi trường nhờ việc sử dụng ít hoặc hợp lý các hóa chất, giảm thiểu phát thải nhà kính (F. Galli và Brunori, 2013; Gunnar và cộng sự, 2019; Agata, 2019; Lucian, 2015; Tanasa (2015); Irene, 2016).

Chuỗi cung ứng ngắn thực phẩm khác nhau ở cả tính chất và thực tiễn, tồn tại ở khắp nơi nên thế giới dưới nhiều hình thức khác nhau, cả trong lĩnh vực thương mại và phi thương mại. Đến nay, chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản đã nhận được sự quan tâm của các nhà hoạch định và thực thi chính sách trong chính phủ, nền kinh tế và các tổ chức xã hội dân sự. Nhiều quốc gia đã có những chính sách và chiến lược phát triển chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản. Trong đó, Pháp và Hungary là những nước đầu tiên quan tâm thúc đẩy chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản và được xem là đã đạt được những thành công bước đầu, có thể làm bài học kinh nghiệm cho các quốc gia muốn phát triển chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản tham khảo.

## **2. Kinh nghiệm phát triển chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản tại Pháp**

Pháp có truyền thống là một quốc gia cung cấp nông sản quy mô lớn. Nhờ các vùng đất phì nhiêu rộng lớn, áp dụng kỹ thuật hiện đại, và trợ cấp của Liên Minh Châu Âu. Nền nông nghiệp Pháp đứng thứ 6 thế giới về sản lượng và đứng đầu Liên minh Châu Âu. Thậm chí, xuất khẩu nông sản của nước này đứng thứ 2 thế giới, chỉ xếp sau Mỹ, đứng đầu châu Âu. Hàng năm Pháp xuất siêu khoảng 6,6 tỷ USD hàng nông sản (gồm lúa mì, rượu nho, các sản phẩm thịt và sữa). Năng suất lao động nông nghiệp cao, công nghiệp chế biến thực phẩm rất phát triển, chiếm xấp xỉ 3,5% GDP (MOFA, 2018).

Khái niệm chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản được đề xuất vào năm 2009 bởi Bộ trưởng nông nghiệp Pháp, Michel Barnier. Theo định nghĩa này, chuỗi cung ứng ngắn có đặc trưng là chuỗi có không quá một trung gian giữa người sản xuất và người tiêu dùng. Khoảng cách địa lý giữa người tiêu dùng và nhà sản xuất không được tính đến ở đây bởi vì ông muốn tính đến cả các nhà sản xuất ở xa người tiêu dùng nhưng vẫn tham gia chuỗi cung ứng này. Trường hợp người sản xuất và người tiêu dùng ở cùng địa phương, ông gọi đó là chuỗi cung ứng ngắn về địa lý. Sau đó, nhiều địa phương ở Pháp đã nhân mạnh hình thức này trong chuỗi cung ứng.

Khái niệm chuỗi cung ứng ngắn vượt ra khỏi khái niệm bán hàng trực tiếp từ người sản xuất đến người tiêu dùng, mà còn bao gồm cả các cửa hàng, nhà hàng, căng tin trong trường học và cho phép các trung gian và nhóm tập thể có thể tham gia phát triển chuỗi.

Ngay sau đó, chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản đã tạo ra sự quan tâm đáng kể trong công chúng, giới chính khách và các nhà nghiên cứu ở Pháp. Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến khía cạnh xã hội, môi trường và đạo đức của hệ thống nông nghiệp và thực phẩm, còn các tổ chức thể chế đã nhận ra vai trò của họ trong mối quan hệ với việc phát triển địa phương và quản lý môi trường. Nhiều nghiên cứu về chủ đề này đã được thực hiện ở cấp địa phương và khu vực (Maréchal, 2008). Các chính sách phát triển chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản của Pháp có thể tổng hợp như sau:

- Chính phủ Pháp đã có chính sách rõ ràng thúc đẩy chuỗi cung ứng ngắn. Kế hoạch Barnier của Pháp đã vạch ra bốn hành động nguyên tắc (Bộ Nông nghiệp và nghề cá Pháp, 2008):

- (i) Kiến tạo và phổ biến kiến thức về các chuỗi cung ứng ngắn;
- (ii) Hỗ trợ nhà sản xuất muốn tham gia chuỗi ngắn
- (iii) Tăng cường đào tạo cho các nhà sản xuất tham gia chuỗi ngắn
- (iv) Tổ chức và thúc đẩy các chuỗi ngắn.

Mặc dù kế hoạch hành động này không chú trọng nhiều đến phát triển chuỗi ngắn ở cấp độ địa phương mà tập trung chủ yếu vào việc sản xuất và phân phối của toàn ngành nông nghiệp, chuỗi ngắn ở Pháp vẫn có tiềm năng phát triển quan trọng cho các địa phương bởi vì nó có thể đóng góp vào sự phát triển, quản lý lãnh thổ và mối quan hệ bền vững giữa các thị trấn và khu vực nông thôn.

- Mạng lưới nông thôn Pháp đã thông qua các chuỗi cung ứng ngắn như một chương trình hành động ưu tiên, công nhận chúng là một yếu tố thúc đẩy phát triển địa phương và mong muốn giới thiệu các điển hình tốt ra liên minh châu Âu.
- Chương trình thực phẩm quốc gia Pháp đã hỗ trợ chuỗi cung ứng ngắn thông qua việc nhấn mạnh vào việc phục vụ các bếp ăn tập thể, chẳng hạn như trong trường học.
- Ngoài ra, Luật hiện đại hóa nông nghiệp Pháp cho phép các căng tin mua thức ăn trực tiếp từ nhà hoặc nhóm sản xuất.

Có thể nói, Pháp là nước rất chú trọng việc phát triển các chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản. Tại Pháp, có khoảng 474 ngàn đơn vị sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất nông nghiệp là 27 triệu ha. Năm 2005, có tới 88.600 trang trại đã tham gia chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản bằng hình thức bán hàng trực tiếp, tạo ra 26,1% việc làm nông nghiệp tại Pháp (Moya và cộng sự, 2013). Bên cạnh việc tham gia bán hàng trực tiếp, theo kết quả điều tra nông nghiệp năm 2010 (Agreste, 2012) có tới 21%, tương ứng khoảng 107.000 các đơn vị kinh doanh trang trại, bán sản phẩm của họ thông qua các chuỗi cung ứng thực phẩm ngắn. Các nhà sản xuất rau và mật ong tham gia nhiều nhất vào loại phân phối này. Mật độ của các chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản lớn nhất ở phía Đông Nam và ở các thực thể hải ngoại. Nói chung, các trang trại tham gia chuỗi cung ứng ngắn có quy mô nhỏ. Bán hàng trực tiếp tại trang trại là hình thức chủ yếu của chuỗi.

Chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản thường tập trung nhiều hơn ở những vùng có năng suất sản xuất nông nghiệp thấp. Trong các vùng có năng suất nông nghiệp cao, nông dân thường làm việc trong các nhóm sản xuất và các hợp tác xã và điều này là định hướng tới chuỗi cung ứng dài. Ví dụ, trong vùng sản xuất rượu vang của Languedoc-Roussillon, hợp tác xã đóng vai trò quan trọng và chỉ có 11% nhà sản xuất chọn chuỗi cung ứng ngắn. Trong khi đó, tại miền Trung của Pháp, có tới 67% nông dân tham gia chuỗi ngắn ở miền trung nước Pháp (Moya và cộng sự, 2013).

Các trang trại tham gia chuỗi ngắn thường có quy mô nhỏ hơn những người tham gia vào chuỗi cung ứng dài hơn, đặc biệt là trong ngành rau. Tuy nhiên, các nhà sản xuất rượu vang quy mô lớn tại Pháp lại có xu hướng tham gia các chuỗi cung ứng ngắn nhiều hơn.

Có xu hướng chưa rõ ràng về ảnh hưởng của chuỗi cung ứng ngắn đến doanh thu của các bên tham gia chuỗi. Đối với chuỗi rượu vang, 40% các trang trại tham gia phân phối qua chuỗi cung ứng ngắn và đạt doanh thu hơn 75% doanh thu. Tuy nhiên, đối với 30% trang trại khác, chuỗi cung ứng ngắn chỉ góp phần không đáng kể (Moya và cộng sự, 2013). Các nhà sản xuất hữu cơ tham gia vào các chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản nhiều hơn so với các nhà sản xuất truyền thống. Có 10% những người bán qua chuỗi cung ứng ngắn là nhà sản xuất hữu cơ, 7% nhà sản xuất tham gia chuỗi cung ứng ngắn dự kiến chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ trong 5 năm sau đó (Agreste, 2012).

Các nhà sản xuất tham gia chuỗi cung ứng ngắn có xu hướng đa dạng hóa sản phẩm hơn những người khác. Sự đa dạng hóa xoay quanh việc chế biến và phục vụ phát triển du lịch.

### **3. Kinh nghiệm phát triển chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản của Hungary**

Ở Hungary, nông lâm nghiệp chiếm 80% tổng diện tích đất sử dụng và đóng góp khoảng 5% tổng thu nhập quốc nội (FAO, 2020). Mặc dù dân số của Hungary chỉ có 9,8 triệu người, diện tích đất nông nghiệp là 5282 ngàn héc ta (FAO, 2020), nhưng theo lời bộ trưởng nông nghiệp Hungary Istvan Nagy khi sang thăm Việt Nam (Lê Đồng, 2019), xuất khẩu hạt giống cây trồng của Hungary đứng thứ 6 thế giới, xuất khẩu thịt gia cầm hàng đầu châu Âu, sản phẩm nông nghiệp được xuất khẩu vào nhiều

thị trường trên khắp thế giới và chiếm tới 54% tổng giá trị các sản phẩm xuất khẩu của đất nước (Lê Đồng, 2019).

Văn hóa ẩm thực địa phương vẫn phát triển mạnh ở Hungary, đặc biệt là ở vùng nông thôn hẻo lánh (Balasz, 2012). Nó được xây dựng chủ yếu trên các hộ gia đình nông nghiệp truyền thống, những người góp phần phát triển nông nghiệp bền vững. Ở các vùng ven đô, các sinh kế và kinh tế địa phương chỉ có thể tồn tại khi có sự hỗ trợ (Karner và cộng sự, 2010).

Chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản như chợ nông sản, bán tại cổng trại, cửa hàng nông sản tự chọn, lễ hội ẩm thực địa phương, chương trình trải nghiệm thực phẩm... đóng vai trò quan trọng ở Hungary. Các hình thức của chuỗi cung ứng ngắn khác như dịch vụ giao hàng nông sản, nhóm mua chung, cộng đồng hỗ trợ phát triển nông nghiệp, và vườn cộng đồng thường được khởi xướng bởi các tri thức thành thị và ven đô. Phong trào sử dụng thực phẩm địa phương đã được bắt đầu với mục đích chính là để khuyến khích thực hành luật thực phẩm phức hợp của chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản và chuỗi cung ứng thực phẩm địa phương (Szabadkai, 2010). Thành công của sáng kiến này đã ảnh hưởng lớn đến việc các nhà sản xuất địa phương tìm cách tương thích với nhu cầu của người tiêu dùng.

Việc triển khai chính sách nông nghiệp chung châu Âu ở Hungary chậm hơn các quốc gia khác trong Liên Minh châu Âu vì họ gia nhập sau. Giai đoạn mới tham gia Liên minh châu Âu và thực hiện chính sách nông nghiệp chung châu Âu, nhiều lò mổ nhỏ ở Hungary đã phải đóng cửa do các quy định vệ sinh trong sản xuất, chế biến thịt của liên minh Châu Âu. Điều này đã hạn chế năng lực phát triển hệ thống thực phẩm của địa phương. Liên quan đến các quy tắc vệ sinh, chính quyền Hungary dường như chưa khai thác đầy đủ lợi thế của tính linh hoạt được đưa ra để tiếp tục sử dụng các phương pháp truyền thống ở bất kỳ giai đoạn nào. Quy tắc thương mại cũng áp đặt tỷ lệ thuế, phí tài chính, thương mại, bảo hiểm xã hội cho các doanh nghiệp quy mô nhỏ mức cao hơn các doanh nghiệp lớn (Csatari và cộng sự, 2008; Balazs và cộng sự, 2009; Karner và cộng sự, 2010). Điều này có nghĩa, các nhà bán lẻ thực phẩm đa quốc gia có lợi hơn từ việc tiếp cận với người tiêu dùng trong khi các nhà sản xuất và chế biến quy mô nhỏ (Balazs, 2009).

Trong những năm gần đây, các nhà chính sách Hungary quan tâm mạnh mẽ đến việc phát triển chuỗi cung ứng ngành nông sản và chuỗi cung ứng địa phương ở cả cấp quốc gia và cấp địa phương. Các hình thức hỗ trợ thể chế quan trọng được đưa ra trong Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn mới đến năm 2020. Chiến lược này bao gồm các chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường và nền kinh tế thực phẩm nhằm mục đích tăng cường tính toàn vẹn của cảnh quan, con người, nguồn cung cấp thực phẩm chất lượng tốt và an toàn, và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững. Chiến lược đã kêu gọi phân bổ nguồn lực nhiều hơn cho các chuỗi cung ứng địa phương và chuỗi cung ứng ngành nông sản so với các chính sách trước đó. Chiến lược này cũng thúc đẩy sự phát triển của hệ thống thực phẩm địa phương như một công cụ chính để phát triển kinh tế địa phương. Nó được coi là một thành phần quan trọng mới của khu vực nông thôn. Các chức năng xã hội của thực phẩm và nông nghiệp được mở rộng ra cả chính sách phát triển nông thôn, sức khỏe, môi trường và an toàn quốc gia. Chiến lược này nhằm thúc đẩy nhãn hiệu địa phương và chất lượng nhãn hiệu cho các nhà sản xuất nhỏ bán tại địa phương. Nó còn công nhận rằng các cơ chế quản lý địa phương tốt là rất hiếm.

Bên cạnh chiến lược này, Hungary còn có một sự hỗ trợ thể chế ở cấp quốc gia nữa, được Mạng lưới nông thôn quốc gia Hungary đưa ra như là một phần của Mạng lưới phát triển nông thôn Châu Âu, nơi cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các nhà tổ chức thị trường nông sản địa phương, các sáng kiến marketing tập thể, đào tạo để nâng cao kiến thức cho các đơn vị phát triển thương hiệu, và mô hình điểm về thực hành tốt.

Giai đoạn 2006 đến 2010, một loạt các sửa đổi, nghị định đối với các nhà sản xuất nhỏ đã được đưa ra liên quan tới quy định về sản xuất quy mô nhỏ, chế biến, quy định về vệ sinh, về thương mại, về quản lý và cấp chứng chỉ. Năm 2006, quy định đầu tiên chú trọng vào điều kiện vệ sinh và năm 2010, các sửa đổi đã tăng quyền cho người sản xuất nhỏ trong việc bán hàng và cho phép họ bán sản phẩm ở các đô thị. Năm 2012, quy trình vệ sinh đơn giản được đưa ra đối với chợ nông sản để thúc đẩy bán hàng trực tiếp đến người tiêu dùng, trong khi các quy định về hành chính và tổ chức đối với doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ còn khá nhiều (hóa đơn, đăng ký sử dụng thuốc trừ sâu, người đăng ký sản xuất và bán, dữ liệu về sản xuất, ...). Luật thương mại năm 2005 đưa ra khái niệm hoàn chỉnh về chợ nông sản địa phương là nơi người

sản xuất quy mô nhỏ có thể bán sản phẩm của họ tại vùng nông thôn, hoặc trong vòng bán kính 40km quanh chợ. Một loạt các quy định của chính phủ Hungary đã xác định quy trình pháp lý bắt buộc để hình thành chợ như quy định về chợ và hội chợ, quy định về nhà sản xuất quy mô nhỏ, quy định về vệ sinh và an toàn thực phẩm ở chợ nông sản địa phương.

Về việc mua sắm công, khung pháp lý sửa đổi linh hoạt, cho phép các nhà cung ứng địa phương tìm kiếm và lựa chọn tiêu chí mức giá thấp nhất, nhưng nhiều đơn vị cũng như các cá nhân thiếu kiến thức và kỹ năng để có thể áp dụng được quy định này. Nhiều sản phẩm của trang trại đã bị loại ra khỏi danh mục khi mua sắm công do một số hạn chế về bảo quản lạnh, sơ chế nguyên liệu, rau và trái cây tươi và sản phẩm chế biến rau và trái cây, sữa và sản phẩm sữa, ngũ cốc, bánh mì và sản phẩm từ mì, mật ong, trứng, cây cảnh (Balazs và cộng sự, 2010).

#### **4. Một vài khuyến nghị đối với Việt Nam**

Tại Việt Nam, việc tìm kiếm những giải pháp phát triển thị trường theo chuỗi cung ứng cho hàng nông sản đang là một chủ đề được Chính phủ, các Bộ ban ngành và các địa phương hết sức quan tâm và tìm hướng giải quyết bởi vì sự bất ổn trong hệ thống sản xuất hàng nông sản; không đảm bảo các yêu cầu an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; hệ thống phân phối còn nhiều bất cập, nhiều khâu trung gian; khủng hoảng thừa nông sản trong cung cầu dẫn đến sự trồi sụt về giá nông sản khi người nông dân được mùa; hiện tượng một phần người tiêu dùng quay lưng với các hàng nông sản trong nước, và địa phương; việc áp dụng công nghệ khoa học chưa đáp ứng các yêu cầu sản xuất và bảo quản, lưu trữ hàng hóa... dẫn đến hàng hóa sản xuất ra nhiều nơi không tiêu thụ được, thu nhập người nông dân không được đảm bảo, hàng hóa rẻ, chất lượng cao không đến được tay người tiêu dùng, bị thương lái hoặc các khâu phân phối trung gian chèn ép.

Một số mô hình cung ứng hàng nông sản ở Việt Nam hiện nay đang tồn tại theo hình thức chuỗi ngắn như: Mô hình bán sản phẩm nhỏ, kết hợp với du lịch nông thôn ở Ninh Thuận; mô hình cung cấp dinh dưỡng học đường của các trường tiểu học; mô hình bếp ăn tập thể; chợ nông sản cuối tuần... cũng đang có xu hướng phát triển, tạo ra nhiều lợi ích cho người nông dân và cộng đồng địa phương. Song các mô hình trên phát triển theo các hình thức tự phát, chưa có tính chuyên nghiệp và hệ thống. Để phát



triển thị trường cho hàng nông sản, việc phát triển chuỗi cung ứng ngắn sẽ là một trong những giải pháp cần thiết. Muốn vậy, chính phủ và các bộ ngành cần:

- Lựa chọn và phát triển các chuỗi cung ứng ngắn hàng nông sản, tập trung vào tiêu thụ địa phương;
- Hỗ trợ các nhà sản xuất muốn tham gia chuỗi ngắn về: chính sách ưu đãi vốn, quy hoạch đất đai; hỗ trợ, tư vấn phát triển chuỗi; hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển thị trường; hỗ trợ xây dựng và phát triển nhãn hiệu địa phương, chỉ dẫn địa lý cho hàng nông sản.
- Tăng cường đào tạo cho các nhà sản xuất tham gia chuỗi ngắn về truy xuất nguồn gốc, vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap và các kỹ thuật sản xuất.
- Tổ chức và thúc đẩy các chuỗi ngắn thông qua các chương trình bếp ăn tập thể, chương trình học đường, ưu tiên mua sắm nông sản địa phương trong khu vực công.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Agata Malak-Rawlikowska, Edward Majewski, Adam Was, Svein Ole Borgen, Peter Csillag, Michele Donati, Richard Freeman, Viet Hoang, Jean-Loup Lecoœur, Maria Cecilia Mancini, An Nguyen, Monia Saidi, Barbara Tocco, Aron Torok, Mario Veneziani, Gunnar Vitterso và PierreWavresky (2019). Measuring the Economic, Environmental, and Social Sustainability of Short Food Supply Chains. Sustainability 2019, 11, 4004; doi:10.3390/su11154004
2. Agreste (2012) Un producteur sur cinq vend en circuit court. Agreste Primeur 275.
3. Balazs, B. (2009) Comparative analysis of the context of AAFNs at the local, national and European level, FAAN report.
4. Csatari, B. and Farkas, J. Z. (2008) ‘Agrarian and Rural Development in Hungary, 1990-2005’. in Bańsky, J. And Bednarek, M. (eds.) Contemporary Changes of Agriculture in East-Central Europe. Warsaw: Polish Academy of Sciences Institute of Geography and Spatial Organization. pp. 147- 164. (Rural Studies 15.)

5. F.Galli, G. Brunori (eds.) (2013) “ *Short Food Supply Chains as drivers of sustainable development SFSC – Chuỗi cung ứng ngắn như động lực phát triển bền vững*”. Evidence Document. Document developed in the framework of the FP7 project FOODLINKS (GA No. 265287).ISBN 978-88-90896-01-9
6. FAO (2019), Country Profile: Hungary. <http://www.fao.org/countryprofiles/index/en/?iso3=HUN>, tải về ngày 11/2/2020.
7. Gunnar Vitterso, Hanne Torjusen, Kirsi Laitala, Barbara Tocco, Beatrice Biasini, Peter Csillag, Matthieu Duboys de Labarre, Jean-Loup Lecoecur, Agnieszka Maj, Edward Majewski, Agata Malak-Rawlikowska, Davide Menozzi, Aron Torok và Pierre Wavresky (2019). Short Food Supply Chains and Their Contributions to Sustainability: Participants’ Views and Perceptions from 12 European Cases. *Sustainability* 2019, 11, 4800; doi:10.3390/su11174800
8. Gunnar Vitterso, Hanne Torjusen, Kirsi Laitala, Barbara Tocco, Beatrice Biasini, Peter Csillag, Matthieu Duboys de Labarre, Jean-Loup Lecoecur, Agnieszka Maj, Edward Majewski, Agata Malak-Rawlikowska, Davide Menozzi, Aron Torok và Pierre Wavresky (2019). Short Food Supply Chains and Their Contributions to Sustainability: Participants’ Views and Perceptions from 12 European Cases. *Sustainability* 2019, 11, 4800; doi:10.3390/su11174800
9. Irene Canfora (2016). Is the short food supply chain an efficient solution for sustainability in food market? *Agriculture and Agricultural Science Procedia* 8 (2016) 402 – 407
10. Karner S., Levidow, L., Petrovics, S., Price, B. And Wallace, H. (2010). Facilitating Alternative Agro-Food Networks (FAAN) Project. Local food systems workshop: background briefing document. Local Food Systems: practices and strategies. Held 22 February 2010 at CDMA Building, Brussels. EU: Brussels.

11. Lê Đồng (2019). Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp giữa Hungary và Việt Nam. <https://baomoi.com/tang-cuong-hop-tac-trong-linh-vuc-nong-nghiep-giua-hungary-va-viet-nam/c/32686075.epi>. Tải về ngày 11/2/2020
12. Luane da Conceição Aguiar, Mauro Eduardo DelGrossi, Karim Marini Thomé (2018), “*Short food supply chain: characteristics of a family farm – Chuỗi cung ứng ngắn: đặc trưng của trang trại nông hộ*”.
13. Lucian Tanasa (2015). Functional Short food supply chains in the field of Romanian rural tourism. Case study: Harghita and Neamt counties. Ecoforum Volume 4, Special Issue 1, 2015. 210
14. Marechal G., coord. (2008) Les circuits courts alimentaires: bien manger dans les territoires. Editions Educagri.
15. Marsden, T., Banks, J., and Bristow, G. (2000) Food Supply Chain Approaches: Exploring their Role in Rural Development. *Sociologia Ruralis* 40 (4), 424-438.
16. MOFA (Bộ ngoại giao Việt Nam) 2018. Thông tin cơ bản về Pháp 2018. [http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cn\\_vakv/euro/nr040819111708/ns170202162324](http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cn_vakv/euro/nr040819111708/ns170202162324), tải về ngày 11/2/2020.
17. Moya Kneafsey, Laura Venn, Ulrich Schmutz, Bálint Balázs, Liz Trenchard, Trish Eyden-Wood, Elizabeth Bos, Gemma Sutton, Matthew Blackett (2013). Short Food Supply Chains and Local Food Systems in the EU. A State of Play of their Socio-Economic Characteristics. European Commission. Joint Research Centre Scientific and Policy reports. Institute for Prospective Technological Studies.
18. Renting, H., Marsden, T., and Banks, J. (2003) Understanding Alternative Food Networks: Exploring the Role of Short Food Supply Chains in Rural Development. *Environment and Planning A* 35, 393-411.
19. Szabadkai, A. (2010) Regulatory recommendations fostering the rural economy. In: Lanyi, A. and Farkas G. (eds): Why unsustainable if sustainable? pp. 280-311.
20. Tanasa Lucian, Bruma Ioan-Sebastian, Dobos Sebastian (2015). The role of short food supply chains in the development of small-scale local producers case

study: Harghita county. Agrarian Economy and Rural Development - Realities and Perspectives for Romania, International Symposium, the 6th edition.